TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LAI VUNG
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 27/2019/DS –ST.
Ngày: 28/05/2019.
Về việc: "Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LAI VUNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Cẩm Nhung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Nguyễn Phát Triển;

2. Ông: Đặng Văn Hai.

Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Trung Vinh – Thư ký Toà án nhân dân huyện Lai Vung.

Ngày 28 tháng 05 năm 2019, tại hội trường Toà án nhân dân huyện Lai Vung mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 74/2018/TLST-DS, ngày 10/5/2018, về việc "Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2019/QĐXXST-DS, ngày 11 tháng 03 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số: 154/2019/QĐST-DS, ngày 04/4/2019 và Thông báo (về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa xét xử sơ thẩm) số: 74/TB-TA, ngày 24/4/2019; Thông báo về việc mở lại phiên tòa số: 74/TB-TA, ngày 13/5/2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP K.

Địa chỉ: Phạm Hồng T, phường Vĩnh Thanh V, thành phố Rạch G, tỉnh KG.

Đại diện theo pháp luật ông Võ Văn C, Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền ông Ngô Văn Q - Chức vụ: Giám đốc Chi nhánh Đồng Tháp. Địa chỉ: Lý Thường K, Phường 1, TP CL, tỉnh Đồng Tháp. Theo văn bản ủy quyền số 1552/GUQ-NHKL, ngày 04/10/2017 (Có mặt).

- Bị đơn: Võ Thu H, Sinh năm: 1963 (Có mặt);

Trần Vĩnh P, Sinh năm: 1989 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp TH, xã VTi, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình tham gia tố tụng tại tòa án, anh Ngô Văn Q là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng TMCP K trình bày: Ngày 18/4/2013 Ngân hàng TMCP K (*sau đây gọi tắt là Ngân hàng*) có ký hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số: TA0481/HĐTD cho bà Võ Thu H vay hạn mức tín dụng được cấp là: 220.000.000 đồng, mục đích vay là đầu tư kinh doanh dịch vụ ăn uống, thời hạn vay là 13 tháng; thỏa thuận lãi suất vay là 1,45%/tháng. Lãi suất vay được điều chỉnh 06 tháng/lần và được tính bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm VNĐ kỳ hạn 13 tháng lãnh lãi cuối kỳ của Ngân hàng tại thời điểm thay đổi lãi suất cộng biên độ 0,67%/tháng; lãi suất quá hạn: 150% lãi suất cho vay ngay trước thời điểm nợ quá hạn; mức phạt chậm trả lãi: 0,1%/ngày.

Để được vay số tiền 220.000.000đồng nêu trên, bà Võ Thu H; Trần Vĩnh P có thế chấp bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tên người sử dụng đất bà Võ Thu H số bìa AO 603793, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: H 01669 do Ủy ban nhân dân huyện Lai Vung cấp ngày 18/5/2009 và Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở tên người sử dụng đất bà Võ Thu H số 878763023200145 do Ủy ban nhân huyện Lai Vung cấp ngày 30/7/2009, theo hợp đồng thế chấp số: TA0481/HĐTD, ngày 18/4/2013 đã được bà H, anh P và Ngân hàng ký kết.

Sau khi vay bà H và anh P có trả được một phần lãi, tính đến ngày 15/9/2017 bà H và anh P còn nợ Ngân hàng số tiền vốn là 220.000.000 đồng, lãi 106.392.000 đồng. Tổng cộng vốn, lãi là 326.392.000 đồng. Trong quá trình Tòa án giải quyết vào ngày 09/01/2019 bà Võ Thu H và anh Trần Vĩnh P đã thanh toán một phần vốn gốc là 215.000.000 đồng và lãi quá hạn là 22.652.400 đồng và còn nợ lại vốn là 5.000.000 đồng, lãi tính đến ngày 28/5/2019 là 145.651.444 đồng.

Nay Ngân hàng TMCP K yêu cầu bà Võ Thu H và anh Trần Vĩnh Pcùng liên đới trả cho Ngân hàng số tiền vốn vay là 5.000.000 đồng và tiền lãi tạm tính đến ngày 28/5/2019 là 145.651.444 đồng, tổng cộng vốn và lãi là 150.651.444 đồng. *(Một trăm năm mươi triệu, sáu trăm năm mươi mốt nghìn, bốn trăm bốn mươi bốn đồng)*.

Số tiền vốn gốc sẽ được tiếp tục tính lãi theo hợp đồng hạn mức tín dụng số: TA0481/HĐTD đã được các bên ký kết từ ngày 18/4/2013 cho đến khi thi hành án xong.

Kể từ ngày Ngân hàng có đơn yêu cầu thi hành án mà bà H và anh P chưa trả được nợ thì Ngân hàng sẽ yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự phát mãi tài sản

bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số: TA0481/HĐTC ngày 18/4/2013 để thi hành án theo quy định pháp luật.

Trường hợp bà H và anh P trả nợ xong mà tài sản thế chấp không bị phát mãi để thi hành án, Ngân hàng sẽ trả lại toàn bộ bản chính giấy tờ thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản số: TA0481/HĐTC ngày 18/4/2013 cho bà Hồng và anh Phúc. *(hiện Ngân hàng đang giữ)*.

Đối với các cây trồng có trên đất gồm: 09 cây sao (trên 20 năm tuổi), 03 cây dừa (02 năm tuổi), 01 cây mít (03 năm tuổi), 02 ngôi mộ (theo Biên bản về việc xem xét, thẩm định tại chổ, ngày 27/12/2018), tại phiên tòa hôm nay bà H xác định các cây trồng này là do bà H trồng và bà Hồng đồng ý trường hợp Ngân hàng xử lý tài sản thế chấp thì kê biên phát mãi các cây trồng trên đất để thực hiện nghĩa vụ thanh toán trả nợ cho Ngân hàng, đối với hai ngôi mộ trên đất bà H tự nguyện di dời.

Ngân hàng không yêu cầu ai khác cùng với bà H và anh P trả nợ cho Ngân hàng. Ngoài ra không còn yêu cầu gì khác.

Bị đơn Võ Thu H trình bày: Thừa nhận vào ngày 18/4/2013 Võ Thu H có vay Ngân hàng TMCP K vốn 220.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng số TA0481/HĐTD. Sau khi vay bà H và anh P có trả được một phần lãi, tính đến ngày 15/9/2017 bà H và anh P còn nợ Ngân hàng số tiền vốn là 220.000.000 đồng, lãi 106.392.000 đồng. Tổng cộng vốn, lãi là 326.392.000 đồng. Trong quá trình Tòa án giải quyết vào ngày 09/01/2019 bà Võ Thu H và anh Trần Vĩnh P đã thanh toán một phần vốn gốc là 215.000.000 đồng và lãi quá hạn là 22.652.400 đồng và còn nợ lại vốn là 5.000.000 đồng, lãi tính đến ngày 28/5/2019 là 145.651.444 đồng. Nay bà Võ Thu H đồng ý cùng liên đới với anh Trần Vĩnh P trả cho Ngân hàng số tiền vốn vay là 5.000.000 đồng và tiền lãi tạm tính đến ngày 28/5/2019 là 145.651.444 đồng, tổng cộng vốn và lãi là 150.651.444 đồng. *(Một trăm năm mươi triệu, sáu trăm năm mươi mốt nghìn, bốn trăm bốn mươi bốn đồng)*. Nay hoàn cảnh gia đình kinh tế của bà H khó khăn, bà H yêu cầu Ngân hàng giảm lãi suất cho bà để tạo điều kiện cho bà H trả nợ cho Ngân hàng.

Việc vay có thế chấp tài sản là bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tên người sử dụng đất Võ Thu H số bìa AO 603793, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: H 01669 do Ủy ban nhân dân huyện Lai Vung cấp ngày 18/5/2009 và Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở tên người sử dụng đất bà Võ Thu H số 878763023200145 do Ủy ban nhân huyện Lai Vung cấp ngày 30/7/2009.

Số tiền vốn gốc sẽ được tiếp tục tính lãi theo hợp đồng hạn mức tín dụng số: TA0481/HĐTD đã được các bên ký kết từ ngày 18/4/2013 cho đến khi thi hành án xong.

Bà Võ Thu H đồng ý xử lý phần tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số: TA0481/HĐTC ngày 18/4/2013 để thi hành án theo quy định pháp luật.

Trường hợp bà H và anh P trả nợ xong mà tài sản thế chấp không bị phát mãi để thi hành án, Ngân hàng sẽ trả lại toàn bộ bản chính giấy tờ thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản số: TA0481/HĐTC ngày 18/4/2013 cho bà H và anh P. *(hiện Ngân hàng đang giữ)*.

Đối với các cây trồng có trên đất gồm: 09 cây sao (trên 20 năm tuổi), 03 cây dừa (02 năm tuổi), 01 cây mít (03 năm tuổi), 02 ngôi mộ (theo Biên bản về việc xem xét, thẩm định tại chổ, ngày 27/12/2018), tại phiên tòa hôm nay bà H xác định các cây trồng này là do bà H trồng và bà H đồng ý trường hợp Ngân hàng xử lý tài sản thế chấp thì kê biên phát mãi các cây trồng trên đất để thực hiện nghĩa vụ thanh toán trả nợ cho Ngân hàng, đối với hai ngôi mộ trên đất bà H tự nguyện di dời.

Bị đơn Trần Vĩnh P*:* đã bỏ địa phương đi trước khi Tòa án thụ lý vụ án. Tòa án đã niêm yết Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng theo quy định. Nguyên đơn cũng đăng tin trên báo, đài tìm kiếm nhưng hết thời hạn theo quy định của pháp luật mà anh P vẫn không đến Tòa án để giải quyết vụ án nên không có văn bản trình bày ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự:

* Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử :

- Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tuy nhiên, quá trình giải quyết còn vi phạm về thời hạn thông báo cho Nguyên đơn sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện, nộp tiền tạm ứng án phí, thực hiện việc thẩm định tại chổ không ra Quyết định.

* Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa :

- Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

* Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử

nghị án:

- Nguyên đơn và Bị đơn thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng anh Phúc không thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng của mình, luôn vắng mặt không có lý do tại các phiên họp kiểm tra việc tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ.

Về nội dung: Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử: chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Nguyên đơn.

Buộc bà Võ Thu H và anh Trần Vĩnh P cùng liên đới phải trả cho Ngân hàng TMCP K số tiền vốn vay và tiền lãi theo yêu cầu của Ngân hàng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Căn cứ khoản 3 Điều 40 của Bộ luật luật dân sự quy định: "Trường hợp một bên trong quan hệ dân sự thay đổi nơi cư trú gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ thì phải thông báo cho bên kia biết về nơi cư trú mới"; Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05 tháng 5 năm 2017 quy định:

2. Trường hợp sau khi thụ lý vụ án, Tòa án không tống đạt được thông báo về việc thụ lý vụ án do bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không còn cư trú, làm việc hoặc không có trụ sở tại địa chỉ mà nguyên đơn cung cấp thì Tòa án giải quyết như sau:

a) Trường hợp trong đơn khởi kiện, người khởi kiện đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo địa chỉ được ghi trong giao dịch, hợp đồng bằng văn bản thì được coi là " đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở". Trường hợp người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thay đổi nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong giao dịch, hợp đồng mà không thông báo cho người khởi kiện biết về nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2, Điều 277 Bộ luật dân sự năm 2015 thì được coi là cố tình giấu địa chỉ và Tòa án tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung mà không đình chỉ giải quyết vụ án vì lý do không tống đạt được cho bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan".

Qua đó, cho thấy anh Trần Vĩnh P là người có nghĩa vụ trong việc vay tiền của Ngân hàng nhưng bỏ địa phương đi không thông báo nơi cư trú mới cho Ngân hàng biết nên xem đây là trường hợp cố tình giấu địa chỉ của bị đơn. Vì vậy, Tòa án tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Quá trình thụ lý, giải quyết, phía Nguyên đơn đã đăng tin thông báo tìm kiếm anh P trên các phương tiện thông tin đại chúng theo đúng quy định nhưng vẫn không có tin tức gì của anh Pc. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vắng mặt anh Phúc.

Ngân hàng TMCP K có đơn khởi kiện yêu cầu bà Võ Thu H và anh Trần Vĩnh P có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng vốn vay là 5.000.000 đồng và tiền lãi tạm tính đến ngày 28/5/2019 là 145.651.444 đồng, tổng cộng vốn và lãi là 150.651.444 đồng *(Một trăm năm mươi triệu, sáu trăm năm mươi mốt nghìn, bốn trăm bốn mươi bốn đồng)* thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu của Ngân hàng yêu cầu bà Võ Thu H và anh Trần Vĩnh Pcùng liên đới trả cho Ngân hàng tiền vốn vay là 5.000.000 đồng và tiền lãi tạm tính đến ngày 28/5/2019 là 145.651.444 đồng, tổng cộng vốn và lãi là 150.651.444 đồng. *(Một trăm năm mươi triệu, sáu trăm năm mươi mốt nghìn, bốn trăm bốn mươi bốn đồng)*; Yêu cầu tiếp tục tính lãi số tiền vốn vay theo hợp đồng từ ngày 28/5/2019 cho đến khi bà Võ Thu H và anh Trần Vĩnh P trả xong nợ; Yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số: TA0481/HĐTC ngày 18/4/2013 để thu hồi nợ vay nếu bà Võ Thu H và Trần Vĩnh P không trả hết nợ cho Ngân hàng, Hội đồng xét xử xét thấy:

Trong quá trình thu thập chứng cứ Ngân hàng đã cung cấp Hợp đồng tín dụng số: TA0481/HĐTD, ngày 18/4/2013 và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số: TA0481/HĐTC ngày 18/4/2013 giữa bên cho vay là Ngân hàng, bên vay là Võ Thu H và anh Trần Vĩnh P. Quá trình giải quyết vụ án bà H thừa nhận có nợ Ngân hàng số tiền và xin Ngân hàng giảm lãi suất cho bà để tạo điều kiện cho bà trả nợ cho Ngân hàng, còn đối với anh Trần Vĩnh P đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng vắng mặt và không có văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Xét thấy, về trình tự thủ tục và nội dung xác lập Hợp đồng tín dụng số: TA0481/HĐTD, ngày 18/4/2013 và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số: TA0481/HĐTC ngày 18/4/2013 giữa bên cho vay là Ngân hàng, bên vay là bà Võ Thu H và anh

Trần Vĩnh P là phù hợp với quy định của pháp luật, được công nhận, có hiệu lực, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên. Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định: " *Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh*". Theo đó, xác định bà Võ Thu H và anh Trần Vĩnh P có thế chấp tài sản để vay tiền của Ngân hàng và số nợ vốn và lãi phát sinh tính đến ngày ngày 28/5/2019, tổng cộng vốn và lãi là 150.651.444 đồng như Ngân hàng trình bày là sự thật.

Tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định:

"*Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn toàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định*".

Tại Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng có quy định:

1. Tổ chức tín dụng được quyền ấn định và phải niêm yết công khai mức lãi suất huy động vốn, mức phí cung ứng dịch vụ trong hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng.

2. Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật.

Trên cơ sở đánh giá chứng cứ và quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử xét thấy: Trong quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng, bà H và anh P đã vi phạm hợp đồng, chưa trả vốn và lãi cho Ngân hàng theo như hợp đồng đã ký kết nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà H và anh P liên đới trả số tiền vốn vay là 5.000.000đồng và tiền lãi tạm tính đến ngày 28/5/2019 là 145.651.444 đồng, tổng cộng vốn và lãi là 150.651.444 đồng. *(Một trăm năm mươi triệu, sáu trăm năm mươi mốt nghìn, bốn trăm bốn mươi bốn đồng)* yêu cầu tiếp tục trả lãi phát sinh từ ngày 28/5/2019, theo lãi suất đã thỏa thuận trong Hợp đồng cho đến khi trả xong tất cả các khoản nợ cho Ngân hàng là có căn cứ chấp nhận.

Khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng quy định:

"2. Trong trường hợp khách hàng không trả được nợ đến hạn, nếu các bên không có thỏa thuận khác thì tổ chức tín dụng có quyền xử lý nợ, tài sản bảo đảm tiền vay theo hợp đồng cấp tín dụng, hợp đồng bảo đảm và quy định của pháp luật. Việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ, mua bán nợ của tổ chức tín dụng thực hiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước".

Căn cứ quy định của pháp luật Ngân hàng yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số: TA 0481, ngày 18/4/2013 để thu hồi nợ vay nếu bà H và anh P không trả hết nợ cho Ngân hàng là có căn cứ. Trên cơ sở đó, chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Ngân hàng.

Đối với các cây trồng trên đất gồm: 09 cây sao (trên 20 năm tuổi), 03 cây dừa (02 năm tuổi), 01 cây mít (03 năm tuổi), 02 ngôi mộ (theo Biên bản về việc xem xét, thẩm định tại chổ, ngày 27/12/2018), tại phiên tòa hôm nay bà H xác định các cây trồng này là do bà H trồng và bà H đồng ý trường hợp Ngân hàng TMCP K xử lý tài sản thế chấp thì kê biên phát mãi các cây trồng trên đất để thực hiện nghĩa vụ thanh toán trả nợ cho Ngân hàng, đối với hai ngôi mộ trên đất bà H tự nguyện di dời. Xét thấy đây là sự tự nguyện của bà H, không trái với quy định pháp luật nên cần chấp nhận.

[4] Xét ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn. Hội đồng xét xử xét thấy, quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát là phù hợp với quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, quy định về nghĩa vụ chịu án phí: Do chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn nên bà Võ Thu H và Trần Vĩnh P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu được chấp nhận.

[6] Về lệ phí thông báo: Ngân hàng TMCP K nộp toàn bộ chi phí đăng tin trên báo đài tìm kiếm đối với anh Trần Vĩnh P là 3.600.000 đồng (Ba triệu, sáu trăm nghìn đồng) đã nộp xong.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ Điều 91; Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng;

Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 144, Điều 147, Điều 203, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Điểm b khoản 1, Điều 24, khoản 1, 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP K.

Buộc bà Võ Thu H và anh Trần Vĩnh P cùng có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng TMCP K số tiền vốn vay là 5.000.000 đồng và tiền lãi tạm tính đến ngày 28/5/2019 là 145.651.444 đồng. Tổng cộng vốn và lãi là 150.651.444 đồng. *(Một trăm năm mươi triệu, sáu trăm năm mươi mốt nghìn, bốn trăm bốn mươi bốn đồng)* số tiền vốn vay sẽ được tiếp tục tính lãi theo hợp đồng hạn mức tín dụng số: TA0481/HĐTD, ngày 18/4/2013 cho đến khi thi hành án xong.

Bà Võ Thu H và anh Trần Vĩnh P còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi suất đối với số tiền vốn vay, kể từ ngày 28/5/2019 cho đến khi thi hành xong, theo mức lãi suất mà hai bên thỏa thuận ký kết trong hợp đồng đã ký kết.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của Ngân hàng TMCP K mà bà Võ Thu H và anh Trần Vĩnh P chưa thanh toán xong khoản nợ gốc và lãi theo hợp đồng thì Ngân hàng TMCP K có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự kê biên phát mãi tài sản thế chấp là thửa đất số 1569, tờ bản đồ 02, diện tích 523m^2, căn nhà cấp 4 cất trên đất, cây trồng có trên đất của bà H, anh P theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số: TA 0481, ngày 18/4/2013 để thanh toán khoản nợ vay còn lại.

Trong trường hợp bà Võ Thu H và anh Trần Vĩnh P đã thi hành án xong mà tài sản thế chấp không bị phát mãi để thi hành án thì Ngân hàng TMCP K phải trả lại cho bên thế chấp là bà Võ Thu H và anh Trần Vĩnh P toàn bộ bản chính giấy tờ thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số: TA 0481, ngày 18/4/2013 *(Hiện Ngân hàng đang giữ)*.

*Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Võ Thu H và anh Trần Vĩnh P liên đới nộp 7.532.572 đồng *(Bảy triệu, năm trăm ba mươi hai nghìn, năm trăm bảy mươi hai đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP K số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 8.159.800 đồng (*Tám triệu, một trăm năm mươi chín nghìn, tám trăm đồng*) theo biên lai thu số 0001267, ngày 10/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

Về lệ phí thông báo: Ngân hàng TMCP K phải nộp toàn bộ chi phí đăng tin trên báo đài tìm kiếm đối với anh Trần Vĩnh P là 3.600.000 đồng (Ba triệu sáu trăm nghìn đồng), Ngân hàng TMCP K (đã nộp xong).

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (28/5/2019). Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án này được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Lai Vung;
- Chi cục THADS huyện Lai Vung;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Cẩm Nhung